TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/HS-ST
Ngày: 27 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn
2. Ông Vũ Huy Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 Phòng xét xử án hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 160/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn N (tên gọi khác: D); giới tính: Nam; sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An; chỗ ở: 43 đường số 6, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Trần Văn Ngọc; họ và tên mẹ: Bùi Thị Minh T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Diễm K và 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2021 (có mặt).

2. Họ và tên: Ngô Thị Ngọc N1; giới tính: Nữ; sinh năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5+7/2A đường số 3, khu phố B, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha Ngô Ngọc T (đã chết); họ tên mẹ: Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có 02 người con sinh đôi năm 2017,

chưa có chồng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/6/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" và 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 10 năm tù, theo Bản án số 137/2023/HS-ST (bản án này chưa có hiệu lực pháp luật)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2022, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị Yến N, sinh năm: 1996 (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

Nơi cư trú: 29B đường số 11, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 287/2 L, Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Hồ Tiểu M, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 86/12/4B P, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 41 đường số 6, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Lê Trọng K, sinh năm: 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Lộc, xã K, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

6. Ông Nguyễn Phương Thành, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Lâm Đ, xã G, huyện T, tỉnh Nam Định.

7. Ông Cao Việt P, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 11 Ngách 92, Ngõ N tổ 7C, Cát Linh, quận Đ, thành phố Hà Nội.

8. Ông Bùi Anh T, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm 4, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 15 phút ngày 18/5/2021, Phòng PC02 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Bình Chánh và Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh tiến hành kiểm tra khách sạn Thiên Kim địa chỉ 43 đường số 06, Khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh do Trần Văn N làm quản lý thì

phát hiện, bắt quả tang 03 cặp nam, nữ đang thực hiện hành vi mua, bán dâm, cụ thể: Phòng 001: Lê Thị Yến N đang thực hiện hành vi bán dâm cho Cao Việt P; Phòng 203: Nguyễn Ngọc T đang thực hiện hành vi bán dâm cho Bùi Anh T; Phòng 302: Hồ Tiểu M đang thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Phương T.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 11 năm 2019, Trần Văn N vào làm lễ tân tại khách sạn Thiên Kim địa chỉ 43 Đường số 6, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh và được bà Nguyễn Thị H (chủ khách sạn) giao cho N toàn quyền quản lý khách sạn trong ca trực. Đến khoảng tháng 3/2021, Ngà tự ý cho gái bán dâm tại khách sạn Thiên Kim để hưởng lời. Ngà thỏa thuận với Ngô Thị Ngọc N1 là người tìm khách nam có nhu cầu mua dâm giới thiệu cho Ngà, sau đó Ngà sẽ gọi gái đến bán dâm cho khách ngay tại khách sạn Thiên Kim với giá mua dâm mỗi lượt từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Khi khách đồng ý, N1 sẽ dẫn khách mua dâm đến khách sạn Thiên Kim, để N sắp xếp phòng và gái đến bán dâm cho khách. N1 thu tiền mua dâm từ khách rồi đưa lại cho N để N trả cho gái bán dâm, riêng số tiền chênh lệch thì N và N1 chia đôi. Nếu N1 kê giá cao hơn thỏa thuận thì N1 được hưởng, có khi N1 sẽ cho Ngà thêm trong số tiền chênh lệch này. Mỗi lần bán dâm thành công, gái bán dâm trả cho Ngà từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 lượt và hưởng thêm tiền bo từ khách, tiền chia từ N1. Trong thời gian chứa mại dâm thì Ngà thu lợi bất chính được khoảng 10.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2021, Ngà đã cho gái bán dâm tại khách sạn Thiên Kim được 04 lượt và thu lợi được 800.000 đồng, cụ thể như sau: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 18/5/2021, khi Ngà đang làm lễ tân tại khách sạn Thiên Kim thì N1 điện thoại liên lạc giới thiệu 03 khách nam có nhu cầu mua dâm, Ngà đồng ý. Sau đó, N điện thoại cho Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Tiểu M đến bán dâm cho 03 khách trên với giá: Nhi là 1.500.000 đồng, T là 1.000.000 đồng, M là 1.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, N1 dẫn 03 khách mua dâm là Lê Trọng K, Bùi Anh T, Nguyễn Phương T đến khách sạn Thiên Kim gặp N. Tại đây, N sắp xếp cho Nhi bán dâm cho Khoa tại phòng 102, T bán dâm cho T tại phòng 203 và M bán dâm cho T tại phòng 302 của khách sạn Thiên Kim.

Sau khi thỏa thuận xong, N1 lấy của K , T , T tổng cộng 4.500.000 đồng và đưa lại số tiền này cho Ngà để Ngà trả tiền bán dâm cho N, T, M tổng cộng là 3.500.000 đồng. Số tiền chênh lệch 1.000.000 đồng thì Ngà trả công cho N1 400.000 đồng, còn lại 600.000 đồng N giữ. Sau đó, T cho thêm N1 600.000 đồng và cho N thêm 300.000 đồng rồi vào phòng mua bán dâm. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N1 tiếp tục môi giới Cao Việt P đến mua dâm với giá 1.500.000 đồng và được N sắp xếp Phúc đến phòng số 001, khi N đã bán dâm cho Khoa xong và N tiếp tục xuống bán dâm cho P thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang cùng vật chứng, riêng N1 bỏ trốn.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Trần Văn N, Ngô Thị Ngọc N1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án, kết quả kiểm tra nhật ký cuộc gọi và tin nhắn cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

Thu giữ của Trần Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sử dụng để liên lạc mua, bán dâm; số tiền 4.300.000 đồng, là tiền mua dâm của khách đưa cho Ngà trả cho gái bán dâm.

Thu giữ của Lê Thị Yến N: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sử dụng để liên lạc bán dâm; số tiền 1.800.000 đồng, là tiền có được từ việc bán dâm.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc T: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sử dụng để liên lạc bán dâm.

Thu giữ của Hồ Tiểu M: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei, sử dụng để liên lạc bán dâm.

Ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã đưa vụ án ra xét xử: Tuyên phạt bị cáo Trần Văn N 06 năm tù về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c Khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 04 năm 06 tháng tù về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung các bị cáo, xử lý vật chứng vụ án theo Bản án số 199/2022/HS-ST.

Ngày 28/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 64/QĐ-VKS kháng nghị phúc thẩm với nội dung:

"1. Kháng nghị một phần Bản án số 199/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với bị cáo Trần Văn N. Đề nghị hủy một phần của bản án để điều tra lại theo thủ tục chung vì bỏ lọt tội phạm.

2. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viểm kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung kháng nghị do bản án còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, phần xử lý vật chứng tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với các tài sản của 03 gái bán dâm nhưng không triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án".

Tại Bản án số 578/2022/HS-PT ngày 28-12-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Việc xét xử các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, phần xử lý vật chứng tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với tài sản của 03 gái bán dâm nhưng không triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, hủy toàn bộ bản án để xét xử lại theo điểm b Khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thụ lý lại hồ sơ vụ án; ngày 20/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh có Công văn số 541/VKS về việc đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ngày 21/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có Quyết định số 09/2023/HSST-QĐ về Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh. Ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh hoàn hồ sơ lại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Tại bản cáo trạng số 163/CT-VKS ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn Nvề tội "Chứa mại dâm" theo điểm c Khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn N, Ngô Thị Ngọc N1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ntừ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d và đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và phạt bổ sung các bị cáo, xử lý về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Yến N không có ý kiến, khiếu nại gì về việc Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với các tài sản của bà bị tạm giữ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn lại vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ; các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện những người này không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Văn N, Ngô Thị Ngọc N1 là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là gái bán dâm bà Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Tiểu M; phù hợp với lời khai của khách mua dâm là ông Lê Trọng K, Cao Việt P, Bùi Anh T và Nguyễn Phương T. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang…cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 18/5/2021, khi bị cáo N đang làm lễ tân tại khách sạn Thiên Kim thì bị cáo N1 điện thoại liên lạc giới thiệu 03 khách nam có nhu cầu mua dâm, Ngà đồng ý. Sau đó, Ngà điện thoại cho Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Tiểu M đến bán dâm cho 03 khách trên với giá: N là 1.500.000 đồng, T là 1.000.000 đồng, M là 1.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, N1 dẫn 03 khách mua dâm là Lê Trọng K, Bùi Anh T, Nguyễn Phương T đến khách sạn Thiên Kim gặp Ngà và Ngà sắp xếp cho N bán dâm cho K tại phòng 102, T bán dâm cho T tại phòng 203 và M bán dâm cho T tại phòng 302 của khách sạn Thiên Kim.

Đến khoảng 21 giờ 15 phút ngày 18/5/2021, Phòng PC02 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Bình Chánh và Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh tiến hành kiểm tra khách sạn Thiên Kim thì phát hiện, bắt quả tang bị cáo Trần Văn N chứa 03 cặp nam, nữ đang thực hiện hành vi mua, bán dâm, cụ thể: Tại phòng 001: Lê Thị Yến N đang thực hiện hành vi bán dâm cho Cao Việt P; tại phòng 203: Nguyễn Ngọc Thanh đang thực hiện hành vi bán dâm cho Bùi Anh T; tại phòng 302: Hồ Tiểu M đang thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Phương T.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn N đã phạm tội "Chứa mại dâm" tội phạm được quy định tại Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 đã phạm tội "Môi giới mại dâm" tội phạm được quy định tại Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, đi ngược lại giá trị đạo đức, thuần phong, mỹ tục, nếp sống văn hóa của người phụ nữ Việt Nam. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm, đồng thời là điều kiện để lây lan nhiều căn bệnh hiểm nghèo, trong đó có căn bệnh HIV được xem là hiểm họa của nhân loại. Các bị cáo nhận thức được điều này, nhưng do tính tư lợi cá nhân, muốn hưởng thụ trên thể xác của người

khác mà không muốn lao động chân chính nên vẫn cố ý vi phạm. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có mức án nghiêm đối với các bị cáo thì mới có tác dụng để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Qua điều tra xác định: Ngày 18/5/2022, bị cáo Ngà đã có 02 lần thực hiện hành vi chứa mại dâm; bị cáo N1 đã 02 lần môi giới 04 khách nam mua dâm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên và đối với hai người trở lên là trường hợp định khung hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo N; áp dụng các điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với bị cáo N1, khi lượng hình có mức án nghiêm.

[6] Xét về nhân thân: Bị cáo N1 có nhân thân xấu, ngày 29/6/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" và 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 10 năm tù, theo Bản án số 137/2023/HS-ST. Do bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt và sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật khi bản án này có hiệu lực pháp luật trong giai đoạn bị cáo chấp hành án.

[7] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Đối với gái bán dâm bà Lê Thị Yến N, bà Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Tiểu M và khách mua dâm ông Lê Trọng K, ông Bùi Anh T, ông Nguyễn Phương T và ông Cao Việt P: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Chánh đã ra quyết định xử phạt hành chính theo Nghị quyết số 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị H là chủ khách sạn Thiên Kim: Qua điều tra xác định bà H không biết và không tham gia vào việc chứa mại dâm của bị cáo Ngà và môi giới mại dâm của bị cáo N1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 04 bao cao su đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax có số Imei 356718113445289; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7; 01 điện thoại di động hiệu Huawei và số tiền 6.100.000 đồng. Xét đây là tài sản của các bị cáo

và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm mà có, Hội đồng xét xử sẽ tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 18/5/2021 các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và có thu lợi bất chính, cụ thể: Bị cáo N thu lợi 100.000 đồng, bị cáo N1 thu lợi số tiền 1.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo giao nộp lại số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[12] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo còn chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 5 Điều 327 và Khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định nộp vào ngân sách Nhà nước.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội "Chứa mại dâm"; bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 phạm tội "Môi giới mại dâm".

Căn cứ vào điểm c Khoản 2, Khoản 5 Điều 327, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn Ngà.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) năm tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào các điểm d, đ Khoản 2, Khoản 4 Điều 328, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Ngô Thị Ngọc N1.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc N1 giao nộp lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Văn N giao nộp lại số tiền 100.000 (một trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Việc các bị cáo nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 04 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax có số Imei 356718113445289; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7; 01 điện thoại di động hiệu Huawei và số tiền 6.100.000 đồng

(đối với số tiền 6.100.000 đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước Bình Chánh đang tạm giữ theo Giấy nộp tiền không ngày tháng năm và Giấy nộp tiền ngày 29/9/2022 của Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Các vật chứng còn lại hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập vào ngày 09/9/2022 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Sơn